TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 21 - 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Trường

2. Bà Đỗ Thị Hiên

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Đặng Xuân H**, sinh năm 1991 tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện V ,tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B và bà Trịnh Thị Ph;

Tiền án:

Bản án số 55 ngày 25/7/2008 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt Đặng Xuân H 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 139 BLHS.

Bản án số 77 ngày 28/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt Đặng Xuân H 01 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*,

tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của bản án số 55 ngày 25/7/2008 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư buộc Đặng Xuân H chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bản án số 28 ngày 17/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt Đặng Xuân H 01 năm 03 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, tổng hợp hình phạt 01 năm 09 tháng tù của bản án số 77 ngày 28/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, buộc Đặng Xuân H chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/3/2014.

Bản án số 215 ngày 17/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt Đặng Xuân H 02 năm 06 tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/01/2017.

Tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 40/2017/QĐ-TA ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đối với Đặng Xuân H với thời hạn 15 tháng. Chấp hành xong ngày 06/9/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/11/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kiến Xương, "có mặt".

2. Bị cáo **Trịnh Ngọc L**, sinh năm 1994 tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc Lvà bà Nguyễn Thu H;

Tiền án: Bản án số 68 ngày 16/4/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt Trịnh Ngọc L 03 năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Chấp hành xong hình phạt ngày 26/10/2017.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/11/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kiến Xương, "có mặt".

- ***Người bị hại:*** Chị Trần Thị T, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện X, tỉnh Thái Bình, "vắng mặt".

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Lê Công L, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Tổ 18, đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Thái Bình, "vắng mặt".

- ***Người làm chứng:*** Anh Đặng Xuân T, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình " vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 31/10/2018, Đặng Xuân H gọi điện rủ Trịnh Ngọc L đến xã A, huyện X chơi, lúc này L đang ở nhà anh Đặng Xuân T nên H điều khiển xe mô tô Dream (xe mượn của một người tên Hưng tại vườn hoa thành phố Thái Bình, không biết địa chỉ cụ thể) xuống đón L. Cả hai đang trên đường đi đến xã A, huyện X, thì H bảo L quay lại. L điều khiển xe chở H về đến đoạn đường liên xã thuộc thôn Tr, xã L, huyện X, thì H phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS BKS 17B1- 766.25 của chị Trần Thị T để ở bên trái đường trước cửa nhà chị Trần Thị M nên nảy sinh ý định trộm cắp. H xuống xe lại gần chỗ để xe mô tô, và bảo L quan sát để H lấy trộm, L đồng ý. H lại gần thấy chìa khóa xe còn cắm ở ổ khóa điện, quay lại bảo L tay khỏe hơn lại lấy xe. L đến nổ máy và điều khiển xe đi về hướng xã Thanh Tân, H điều khiển xe Dream đi sau L. Cả hai về nhà Tiến, H kiểm tra trong cốp xe có bảo hiểm trách nhiệm dân sự và giấy đăng ký xe đưa cho L. L cầm xe đến nhà ông Lê Công L hỏi vay số tiền 7.000.000 đồng, ông Lý hỏi nguồn gốc xe thì L nói xe do L mua có giấy tờ, ông L đã cho L vay 7.000.000 đồng và giữ chiếc xe mô tô, giấy đăng ký xe làm tin. Về L nói với H cắm xe được 6.000.000 đồng, đưa cho H 2.600.000 đồng, số còn lại chi tiêu cá nhân.

Ngày 06/11/2018 L trả cho ông L 7.000.000 đồng để lấy lại xe, nộp xe, giấy đăng ký xe, bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho Công an huyện Kiến Xương. Cơ quan công an còn thu giữ của Đặng Xuân H 01 tay công làm bằng sắt, 01 vam dài 09 cm.

Bản Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 07/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kiến Xương kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS BKS 17B1-766.25 giá trị 6.700.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị T đã nhận lại xe mô tô, giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Ông L đã nhận đủ 7.000.000 đồng do bị cáo L trả, không có ý kiến đề nghị gì. Số tiền 2.600.000 đồng L trả ông Lý thay cho H, L không yêu cầu H phải trả.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSKX ngày 25/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã truy tố Đặng Xuân H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, truy tố Trinh Ngọc L về tội

"Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Xuân H, Trịnh Ngọc L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo L về việc không yêu cầu bị cáo H trả số tiền 2.600.000 đồng.

Vật chứng: Tịch thu của bị cáo H 01 chiếc tay công hình trụ dài 13 cm, 01 vam dài 09 cm để tiêu hủy.

Các bị cáo không có tranh luận gì, và xin được hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội cải tạo, sửa chữa sai lầm, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là cùng nhau trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS BKS 17B1-766.25 của chị Trần Thị T tại xã L, huyện X để lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau đây:

- Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL- HĐĐG ngày 07/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kiến Xương;

- Đơn trình báo và lời khai của người bị hại chị Trần Thị T;

- Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 06/11/2018 của Công an huyện Kiến Xương thể hiện quản lý của ông Lê Công L 01 xe mô tô và 01 giấy đăng ký xe;

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của người làm chứng.

[3] Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ 05 phút ngày 31/10/2018 tại khu vực trước cửa nhà chị Trần Thị M thuộc thôn T, xã L, huyện X, Đặng Xuân H và Trịnh Ngọc L đã lén lút lấy của chị Trần Thị T 01xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS BKS 17B1- 766.25 trị giá 6.700.000 đồng.

Hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Đặng Xuân H có 4 tiền án thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 173 BLHS, bị cáo Trịnh Ngọc L phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

……..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g, Tái phạm nguy hiểm".

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại khu dân cư và hoang mang trong quần chúng nhân dân. Chỉ vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên mặc dù bị cáo H đã nhiều lần bị kết án do có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo L có một tiền án về tội ma túy song vẫn tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện việc thiếu ý thức rèn luyện, coi thường pháp luật của các bị cáo. Do đó cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm, bị cáo H là người khởi

xướng, tính toán cách thức thực hiện tội phạm, cảnh giới để bị cáo L lấy tài sản; bị cáo L trực tiếp lấy tài sản rồi mang đi tiêu thụ, được hưởng lợi về tài sản nhiều hơn, nên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến vai trò của từng bị cáo để thể hiện việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự trong vụ án đồng phạm.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy: Bị cáo H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L bị áp dụng một tình tiết tăng năng trách nhiệm hinh sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo và tự nguyện khắc phục hậu quả được quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[8] Ông Lê Công L khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô để cho L vay số tiền 7.000.000 đồng, ông không biết đó là tài sản trộm cắp. Anh Đặng Xuân T không biết việc các bị cáo trộm cắp tài sản, không được chia lợi gì nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương không xử lý đối với ông Lý, anh Tiến là đúng quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo H khai mượn chiếc xe Dream của một người tên Hưng tại vườn hoa thành phố Thái Bình nhưng không rõ địa chỉ, H đã trả lại chiếc xe cho Hưng vào ngày 31/10/2018 nên không có căn cứ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

[10] Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp nay không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[11] Số tiền 7.000.000 đồng có do L cầm cố chiếc xe mô tô, L đã trả lại số tiền trên cho ông Lý, nay ông không có ý kiến đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

[12] Trong số 7.000.000 đồng , bị cáo L sử dụng 4.400.000 đồng, bị cáo H được chia 2.600.000 đồng. Bị cáo L đã trả toàn bộ số tiền cho ông L, bị cáo L có quyền yêu cầu bị cáo H hoàn trả cho mình số tiền 2.600.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 288 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên bị cáo tự nguyện không yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả nên cần ghi nhận.

[13] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS BKS 17B1-766.25, 01giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên chị Bùi

Thị T (là con gái của chị T) chị T đã bán chiếc xe trên cho chị Tuy, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của chị T nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương đã trả lại cho chị T là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc tay công hình trụ dài 13cm, 01 vam dài 09 cm thu giữ của Đặng Xuân H, bị cáo không đề nghị trả lại nên cần tịch tiêu hủy.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Xuân H, Trịnh Ngọc L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Xuân H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/11/2018.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/11/2018.

4. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì nên không giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trịnh Ngọc L về việc không yêu cầu bị cáo Đặng Xuân H phải hoàn trả số tiền 2.600.000 đồng.

5. Về xử lý vật chứng: Tịch thu của Đặng Xuân H 01 chiếc tay công hình trụ dài 13cm, 01 vam dài 09 cm để tiêu hủy.

6. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Đặng Xuân H, Trịnh Ngọc L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/01/2019.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Công an huyện Kiến Xương;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ